

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày 29/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền

2. Ông La Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Học - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 01/6/2023 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST - HS ngày 15/6/2023 đối với bị cáo:

Bàn Đức M, sinh ngày 24 tháng 12 năm 1999, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định được), con bà Bàn Thị T; vợ: chưa có, con: không; tiền sự: không; tiền án: Có 01 tiền án tại bản án số: 67/2020/HSST ngày 10/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 01 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/3/2023 đến ngày 14/5/2023. Bị cáo, bị tạm giữ, tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 14/5/2023 và hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Đ, M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 19/3/2023, Bàn Đức M, sinh năm 1999, trú tại Thôn K, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang cùng với bác họ mình là ông Bàn Văn Đ, sinh năm 1976 trú cùng thôn với M đi bộ từ lán ở khai thác gỗ thuê cho người dân ở Thôn Đ, M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ra khu vực trung tâm Mghĩa Tá để ông Đ mua đồ sinh hoạt còn M thì ra tìm bắt xe để về nhà. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, khi ra đến nơi ông Đ đi mua đồ, còn M thì đi bộ để tìm bắt xe về nhà. Sau đó khi đang đi bộ một mình thì M phát hiện tại sân nhà ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 trú tại Thôn Đ, M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 99B1-016.22 còn cắm chìa khóa ở ổ khóa nên M đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên để mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên M đã đi đến bật chìa khóa điện nổ máy xe rồi điều khiển chiếc xe đi xuống khu vực huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để tìm nơi tiêu thụ. Khi xuống đến khu vực thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, M vào nhà ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1985 trú tại Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cầm cố chiếc xe mô tô được số tiền 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) rồi sau đó M đi nhờ 01 xe ô tô chở đá (*M không rõ biết rõ thông tin xe và chủ xe*) về đến khu vực thôn Bản T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì M xuống xe và đi bộ theo đường mòn về nhà. Đến ngày 27/3/2023, sau khi biết hành vi trộm cắp xe của mình vào ngày 19/3/2023 bị phát hiện thì M đến nhà ông C chuộc lại chiếc xe mô tô mà M cầm cố trước đó và mang về giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTS, ngày 21/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu sơn đen bạc mua mới vào tháng 3/2011 có giá trị tại thời điểm ngày 21/3/2023 là 8.700.000đ (*Tám triệu bảy trăm nghìn đồng*)”.

Bàn Đức M thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và ngày 27/3/2023 M đã tự nguyện đi chuộc lại chiếc xe trộm được giao nộp cho Cơ quan điều tra để hoàn trả (khắc phục) cho ông Nguyễn Văn H là bị hại.

Về vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 99B1 - 016.22, xe đã qua sử dụng (*Do bị can M giao nộp*) và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017674 (*Do ông Nguyễn Văn H giao nộp*). Hiện đang được tạm giữ và bảo quản đúng quy định của pháp luật.

Đối với 02 (Hai) chiếc thẻ nhớ bên trong có lưu giữ 02 (Hai) file video (*Đoạn video trích xuất từ camera an ninh của Công an Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và tại cửa hàng xăng dầu số 03 Công ty TNHH Đức Giang thuộc thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có ghi lại các hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp*

chiếc xe mô tô của M vào ngày 19/3/2023). Hiện được niêm phong vào 02 phong bì và lưu vào trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) mà M cầm cố chiếc xe do M trộm mà có với ông Nguyễn Đức C. Sau đó đến ngày 27/3/2023, M đã sử dụng số tiền này đi chuộc lại chiếc xe với ông C và sau đó ông C đã chi tiêu cá nhân hết. Nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được.

Tại bản cáo trạng số 30/CT- VKSCĐ ngày 31/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn truy tố Bàn Đức M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thực hành quyền công tố tại phiên tòa đọc bản luận tội và đề nghị giải quyết vụ án: Tuyên bố bị cáo Bàn Đức M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bàn Đức M từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án.

Không phạt bổ sung bị cáo theo khoản 5 Điều 173/BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H đề nghị được lấy lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Ngoài ra ông H không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét.

Ông Nguyễn Đức C là người được nhận cầm cố chiếc xe mà M lấy trộm được và sau đó cho M chuộc lại vào ngày 27/3/2023 và ông C không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46/BLHS; Điều 106/BLTTHS:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H chủ sở hữu hợp pháp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 99B1 - 016.22, xe đã qua sử dụng (kèm theo chìa khóa xe) và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017674 mang tên Nguyễn Văn H.

Đối với 02 (Hai) chiếc thẻ nhớ bên trong có lưu giữ 02 (Hai) file video (*Đoạn video trích xuất từ camera an ninh của Công an Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và tại cửa hàng xăng dầu số 03 Công ty TNHH Đức Giang thuộc thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có ghi lại các hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của M vào ngày 19/3/2023*) được niêm phong vào 02 phong bì và lưu vào hồ sơ vụ án. Đây là vật chứng phục vụ cho công tác điều tra nên được tiếp tục lưu vào trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Bàn Văn M tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Bị hại ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Tuy nhiên, ông H xin được lấy lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Nguyễn Đức C có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản của người khác là sai và vi phạm pháp luật, vì bị cáo không có tiền tiêu sài cá nhân nên dẫn đến phạm tội xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân huyện Chợ Đồn trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và những người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều đúng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, và 02 chiếc thẻ nhớ bên trong có lưu 02 file video được trích xuất hình ảnh từ camera..., biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận khoảng 09 giờ 00 phút ngày 19/3/2023, tại khu vực Thôn Đ, M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Bàn Đức M, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 99B1-016.22 có giá trị 8.700.000đ (*Tám triệu bảy trăm nghìn nghìn đồng*) của ông Nguyễn Văn H để nhằm mục đích mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô M đem đến cầm cố với ông Nguyễn Đức C trú tại Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên được 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*). Đến ngày 27/3/2023, M đã chuộc lại chiếc xe mô tô và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bàn Đức M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền sự nhưng bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Thấy tại bản án số: 67/2020/HSST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 01 năm 01 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 21/9/2021 bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù nhưng đến ngày bị cáo phạm tội 19/3/2023 là chưa được xóa án tích. Nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và ngày 27/3/2023 bị cáo tự nguyện đi chuộc lại chiếc xe máy trộm được để giao nộp cho Cơ quan điều tra mục đích hoàn trả (khắc phục) hậu quả cho người bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Kiểm sát viện - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng là có căn cứ đúng người, đúng tội đúng pháp luật. Đề nghị mức hình phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù, không phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí là phù hợp.

[5] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Bàn Đức M thực hiện hành vi phạm tội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, trước khi phạm tội bị cáo có đầy đủ sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật, nhưng bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, chưa được xóa án tích, coi thường pháp luật, vì mục đích tiêu sài cá nhân nên ngày 19/3/2023 bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn H. Nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” và trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo lại bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2023 do có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự và có một mức hình phạt tù tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội đi tập trung cải tạo một thời gian nhất định, để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Thấy bị cáo không có công việc ổn định không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không phạt bổ sung bị cáo theo khoản 5 Điều 173 là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H xin được trả lại chiếc xe và giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngoài ra ông H không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét giải quyết. Ông Nguyễn Đức C người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt thấy ông C không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

[7]. Ông Nguyễn Đức C được nhận cầm cố chiếc xe Bàn Đức M lấy trộm được ngày 19/3/2023, sau đó cho M chuộc lại ngày 27/3/2023. Kết thúc điều tra xác định ông C không biết đó là tài sản do M trộm cắp được mà có nên không xem xét, xử lý ông C là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 99B1 - 016.22, số khung: 1803AY589335, số máy: JF27E0614398, xe đã qua sử dụng (Kèm theo chìa khóa xe); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017674 mang tên Nguyễn Văn H cần được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn H.

Đối với 02 (Hai) chiếc thẻ nhớ bên trong có lưu giữ 02 (Hai) file video (*Đoạn video trích xuất từ camera an ninh của Công an Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và tại cửa hàng xăng dầu số 03 Công ty TNHH Đức Giang thuộc thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có ghi lại các hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của M vào ngày 19/3/2023*) được niêm phong vào 02 phong bì và lưu vào hồ sơ vụ án. Đây là vật chứng phục vụ cho công tác điều tra nên cần được tiếp tục lưu vào trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Thấy gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nhưng bị cáo không có đơn xin được miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Bàn Đức M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn Cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bàn Đức M: 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù của bản án. Không phạt bổ sung bị cáo theo khoản 5 điều 173/BLHS.

3. Vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Nguyễn Văn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 99B1 - 016.22, số khung: 1803AY589335, số máy: JF27E0614398, xe cũ đã qua sử dụng (kèm theo chìa khóa xe) và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 017674 mang tên Nguyễn Văn H. Đối với 02 (Hai) chiếc thẻ nhớ bên trong có lưu giữ 02 (Hai) file video (*Đoạn video trích xuất từ camera an ninh của Công an Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và tại cửa hàng xăng dầu số 03 Công ty TNHH Đức Giang thuộc thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có ghi lại các hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của M vào ngày 19/3/2023*) được niêm phong

vào 02 phong bì và lưu vào hồ sơ vụ án. Đây là vật chứng phục vụ cho công tác điều tra nên cần được tiếp tục lưu vào trong hồ sơ vụ án. *(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn ngày 19 tháng 6 năm 2023)*

4. Trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Xử án công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Cạn